

**SCHENGEN VISA VIETNAM  
HARMONISED LIST OF SUPPORTING DOCUMENTS  
BUSINESS/INVITATION VISA**

**THỊ THỰC SCHENGEN – VIỆT NAM  
DANH SÁCH GIẤY TỜ CẦN NỘP  
THỊ THỰC CÔNG TÁC/HỘI THẢO**

Name and Surname \_\_\_\_\_ Date of birth: \_\_\_\_\_  
(Họ và tên) (Ngày sinh)

Personal mobile Tel:  
(Số điện thoại cá nhân)

Personal email address:  
(Địa chỉ email)

**Important notes:**

**Lưu ý quan trọng:**

The applicant must produce the original and a certified copy of each document (only the copies will be used for the application);

All documents in Vietnamese language must be accompanied by a pertinent translation in English or Italian.

*Đương đơn cần chuẩn bị giấy tờ gốc và bản sao y công chứng của giấy tờ (chỉ nộp bản sao y công chứng trong hồ sơ)*

*Tất cả giấy tờ bằng tiếng Việt phải có bản dịch đúng nội dung bằng tiếng Anh hay tiếng Ý đính kèm.*

Please check the list below and select the appropriate box to confirm which documents you have submitted  
*Xin vui lòng kiểm tra và đánh dấu vào các ô phù hợp để xác nhận các giấy tờ đã nộp.*

N.	This application for Schengen visa contains: <i>Các giấy tờ xin thị thực bao gồm:</i>	Submitted <i>Có nộp</i>	Not Submitted <i>Không nộp</i>	N/A
1	<b>Visa application form duly completed</b> <i>Đơn xin cấp thị thực được điền đầy đủ thông tin</i>			
2	<b>Valid Passport</b> <i>Hộ chiếu gốc còn giá trị sử dụng</i>			
3	<b>Note Verbale ( if travelling on a Service passport)</b> <i>Công hàm ( nếu sử dụng hộ chiếu công vụ)</i>			
4	<b>Copy of the passport</b> <i>Bản copy hộ chiếu</i>			
5	<b>Vietnamese residence card and/or work permits (for non Vietnamese foreigners)</b> <i>Thẻ tạm trú và/hoặc giấy phép lao động với đương đơn là người nước ngoài</i>			
6	<b>Travel medical insurance</b> <i>Bảo hiểm y tế cho chuyến đi</i>			
7	<b>Two (2) recent photographs (standard ICAO) - must not be edited)</b> <i>Hai ảnh mới chụp (theo tiêu chuẩn ICAO)- không chỉnh sửa</i>			
8	<b>Return flight reservation</b> <i>Đặt vé máy bay khứ hồi</i>			

9	<b>All other flights/train/car rental/bus routes within the intended visited Countries</b> <i>Đặt vé/bảng chứng phương tiện đi lại giữa các nước</i>			
10	<b>Proof of accommodation in Italy and in other Countries.</b> <i>Bảng chứng về nơi ở tại Italia và các nước khác</i>			
11	<b>Copy of a valid passport / id card of the inviting Representative of the Company</b> <i>Bản photocopy hộ chiếu hoặc chứng minh thư của người đại diện công ty mời</i>			
12	<b>Copy of the most recent certificate of registration of the Italian inviting company (“Visura Camerale”);</b> <i>Copy Giấy đăng ký kinh doanh công ty mời Ý (Visura Camerale)</i>			
13	<b>Invitation letter from Italian company</b> <i>Thư mời từ phía công ty Ý</i>			
14	<b>Evidence of tax payments for the last 6 months</b> <i>Hóa đơn nộp thuế doanh nghiệp 6 tháng cuối cùng</i>			
15	<b>Certificate of registration of the company</b> <i>Giấy đăng ký kinh doanh của công ty</i>			
16	<b>Company’s letter to support the business trip ( original)</b> <i>Quyết định đề cử đi công tác (bản gốc)</i>			
17	<b>If participating to trade fair</b> <i>Trường hợp tham dự hội chợ</i>			
17.1	<b>As exhibitors:</b> <i>Khi có gian hàng</i>			
	Stand payment/ deposit <i>Hóa đơn thanh toán/ đặt cọc gian hàng</i>			
	Bill of loading of goods <i>Bảng chứng về việc vận chuyển hàng hóa</i>			
	Stand plan <i>Sơ đồ gian hàng</i>			
17.2	<b>As visitor</b> <i>Khách tham quan</i>			
	Entrance ticket <i>Vé vào cửa</i>			
18	<b>Labor contract or equivalent document (if Public Servant)</b> <i>Hợp đồng lao động hoặc Quyết định bổ nhiệm (đối với viên chức nhà nước)</i>			
19	<b>Proof of financial means / income</b> <i>Bảng chứng tài chính/ thu nhập</i>			
19.1	Company bank statement of the last 6 months or balance <i>Sao kê tài khoản của công ty trong vòng 6 tháng gần nhất hay xác nhận số dư tài khoản ngân hàng</i>			
19.2	<b>If the applicant is an employee/civil servant:</b> <i>Nếu đương đơn là nhân viên/công chức nhà nước:</i>			
	Original statements of all personal bank accounts for the last 6 months <i>Bản gốc sao kê các tài khoản của sáu tháng cuối cùng</i>			
	Payslips and a declaration by the Employer for the salary paid in cash <i>Bảng lương và giấy xác nhận lương nếu nhận lương bằng tiền mặt</i>			
19.3	<b>If the applicant is a share holder:</b> <i>Nếu đương đơn là cổ đông</i>			
	Original personal bank statements of the last 6 months; <i>Sao kê tài khoản cá nhân trong vòng 6 tháng gần nhất</i>			
19.4	<b>Credit cards bank statements for the last 6 months</b> <i>Sao kê các tài khoản thẻ tín dụng của sáu tháng cuối cùng</i>			

19.5	<b>Bank book/Saving account</b> <i>Sổ tiết kiệm/tài khoản tiết kiệm</i>			
19.6	<b>Proof of other assets/income</b> <i>Các bằng chứng tài chính/ thu nhập khác</i>			
20	<b>Family Household registration Book</b> <i>Sổ Hộ khẩu Gia đình</i>			
21	<b>Old passport and a copy of old passport (if any)</b> <i>Hộ chiếu cũ và photocopy hộ chiếu cũ ( nếu có)</i>			

**Other documents/personal declaration I ask to evaluate to support my Visa application:**

	<b>Copy of existing commercial transactions/relations with the Italian Company ( if any)</b> <i>Hợp đồng mua bán/ thỏa thuận giao thương hiện hữu giữa 2 công ty (nếu có)</i>			
	<b>Social insurance book</b> <i>Sổ bảo hiểm xã hội</i>			

**I am aware that any other documents related to my visa application may be requested by the Visa Section;**

*Tôi nhận biết rằng tôi có thể bị phòng thị thực yêu cầu cung cấp thêm các giấy tờ khác liên quan đến hồ sơ xin thị thực*

**I am aware that failing to provide appropriate and sufficient supporting documents may be a reason for refusal.**

*Tôi nhận biết rằng việc không cung cấp các giấy tờ phù hợp cần thiết có thể dẫn đến việc bị từ chối cấp thị thực.*

Place and date/ *Địa điểm và ngày tháng*

Applicant's Signature / *Chữ ký người nộp đơn*

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

This space below reserved for VFS staff:

*Phần dành riêng cho nhân viên VFS*

Name and signature of VFS staff receiving the application \_\_\_\_\_

*Tên và chữ ký của nhân viên tiếp nhận hồ sơ*